

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 754/2024/DS-PT

Ngày: 12-9-2024

“V/v tranh chấp Quyền yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2024/TLPT- DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc: *“Quyền yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu quyền khác đối với tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2598/2024/QĐ-PT, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Bạch T, sinh năm 1943. Địa chỉ: số nhà A đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

(chết ngày 11/4/2024).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Bạch M, sinh năm 1937. Địa chỉ: A H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1957. Địa chỉ: C Đ, thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: A H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1966. Địa chỉ: E N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Đặng Thị Ánh T2, sinh năm 1972. Địa chỉ: C Đ, thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông Trịnh Doãn T3, sinh năm 1943. Địa chỉ: số nhà A đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1944 (đã chết). Địa chỉ: A H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

2. Ông Trịnh Doãn P, sinh năm 1968. Địa chỉ: H T, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3. Bà Trịnh Thị Mỹ A, sinh năm 1973. Địa chỉ: G N, khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

4. Bà Trịnh Thị Mỹ N, sinh năm 1969 (có mặt);

5. Bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (có mặt);

6. Ông Trịnh Doãn T5, sinh năm 1981 (có mặt);

7. Ông Trịnh Doãn T6, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A H, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trịnh Doãn T6: bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trịnh Thị Mỹ A: ông Trịnh Doãn T5, sinh năm 1981. Địa chỉ: A H, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

8. Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Nguyễn Hoàng T7 – Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trịnh Doãn T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Thanh Đ1 trình bày:

Khoảng thời gian đầu tháng 7/2018, bà T tiến hành xây bức tường rào ngăn cách đường luồng giữa hộ bà T và nhà ông T3 cao khoảng 0,6m, chiều dài từ trước ra sau tới hết đất là 11,55m. Việc bà T xây dựng bức tường này hoàn toàn nằm trong phần đất của bà T. Mục đích xây bức tường lên là để làm mốc chỉ giới ranh đất giữa hai gia đình. Toàn bộ đường luồng hiện hữu từ trước ra sau theo giấy tờ đất thì thuộc phần đất của bà T, bà T xây dựng đường luồng cách nhà ông T3 10cm coi như bà T chịu mất 10cm đất. Sau khi xây dựng xong thì ông T3 khiếu nại nên UBND phường Đ.

Tại buổi hòa giải lần đầu tại phường ngày 13/7/2018, ông Đ1 đại diện tham gia hòa giải thì hai bên thỏa thuận không xây lên nữa. Sau đó, ông Đ1 có đổ xà bần lên đường luồng hai bên để tráng xi măng, sau khi đổ xà bần lên thợ đang thi công thì ông T3 ngăn cản không cho đổ xà bần nữa, ông T3 lại khiếu nại phường yêu cầu bên bà T phải xúc xà bần ra lại. Thấy ông T3 không có thiện chí nên bà T bàn bạc xây bức tường rào lên 2.5m, mục đích để chia ranh đất và chống trộm cắp và không để cửa sổ nhà ông T3 nhìn sang nhà. Ngày 28/7/2018, bà T tiến hành xây bức tường cao lên 2.5m nhưng mới xây được khoảng 4m chiều dài thì ông T3 ngăn cản và gây rối trật tự, công an tới làm việc và tạm đình chỉ ngưng thi công xây bức tường. Ngày 3/8/2018, phường tiếp tục hòa giải thì ông Đ1 không chấp nhận. Tới ngày 03/9/2018, thợ tiếp tục xây dựng thì gia đình ông T3 đập đổ 4 viên gạch và không cho tiếp tục xây dựng. Nay ông Đ1 đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu ông T3 chấm dứt hành vi cản trở để gia đình bà T tiếp tục xây dựng bức tường và xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại xây dựng bức tường 1.820.000 đồng.

Việc UBND Thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng trình tự thủ tục nên bà T có quyền xây dựng trên phần đất của bà T, Do vậy bên phía gia đình ông T3 cản trở không cho xây dựng là sai, nguyên đơn không chấp nhận theo yêu cầu phản tố của bị đơn.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị Mỹ H trình bày:

Việc xây dựng bức tường là trái phép ảnh hưởng tới quyền lợi của gia đình ông T3 nên bị đơn không chấp nhận theo yêu cầu của phía nguyên đơn.

Gia đình ông T3 không có hành vi đập phá hay cản trở gì cả. Khi xây dựng thì bị đơn báo cáo lên UBND phường để giải quyết chứ không có hành vi ngăn cản, cản trở gì.

Đường luồng hiện hữu giữa hai nhà là đường luồng chung tồn tại từ lâu, không thuộc phần đất của ai nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T bao gồm luôn diện tích đường luồng là không đúng.

Bà Trình Thị Mỹ H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu phản tố: yêu cầu phải tháo dỡ bức tường đã và đang xây dựng cũng như đề nghị hủy, thu hồi và sửa đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 258282 do UBND thành phố P cấp ngày 11/6/2018 cho bà Lê Thị Bạch T. Vì tại Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu nhà do Sở xây dựng tỉnh B cấp diện tích sử dụng đất chỉ 78,75m² nhưng nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở là 90,50m².

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch T. Buộc ông Trịnh Doãn T3 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chấm dứt hành vi cản trở bà T sử dụng bức tường có diện tích đất là 6,29 m². Xác định phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của bà Lê Thị Bạch T.

Tứ cận khu đất: cạnh ngang mặt trước giáp đường Hoàng Văn T8: 6,88 m, cạnh ngang mặt sau: 6,69 m, chiều dài giáp với đất ông T3 là: 12,98m, phần đất phía Bắc chiều dài giáp đất bà K 14,11m. Diện tích 90.50 m². Tọa lạc tại số A đường H, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CD 258282, do UBND thành phố P cấp ngày 11/6/2018 cho bà Lê Thị Bạch T.

Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch T rút yêu cầu bồi thường thiệt hại xây dựng bức tường là 1.820.000 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của ông Trịnh Doãn T3, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số CD 258282, do UBND thành phố P cấp ngày 11/6/2018 cho bà Lê Thị Bạch T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/3/2024, bị đơn ông Trịnh Doãn T3 có đơn kháng cáo đề ngày 09/3/2024, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trịnh Doãn T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Bị đơn ông Trịnh Doãn T3, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trình Thị Mỹ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Doãn T5, bà Trình Thị Mỹ N thống nhất trình bày: Việc xây dựng bức tường của bà T là trái quy định của pháp luật, không được phép của sở xây dựng. Chúng tôi không có hành vi ngăn cản hay đập phá mà khi bà T xây lên thì gia đình chúng tôi mở cửa ra đụng vào bức tường. Việc bà T xây bức tường lên sẽ đâm lên mái nhà của gia đình chúng tôi đã có từ trước lúc mua nhà, không mở cửa sổ được nữa. Con đường

luồng chung này cũng đã được hình thành từ lâu, 2 phần đất này là do cùng một người chủ bán cho gia đình tôi và gia đình bà T. Ngoài ra, từ trước tới nay bà T chưa hề được cấp GCNQSDĐ mà đến năm 2018 mới được cấp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Doãn T3 trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đại diện theo ủy quyền hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là phù hợp theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét tính pháp lý của diện tích đất tranh chấp:

[4.1] Phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 169, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01039 ngày 11/6/2018 cho bà Lê Thị Bạch T. Diện tích thửa đất là 90,50 m²; trong đó, chiều ngang mặt trước 6,88m, chiều ngang mặt sau 6,69m, chiều dài cạnh giáp nhà ông T3 là 12,98m, chiều dài cạnh giáp nhà bà K là 14,1m.

[4.2] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/1/2019 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P ký xác nhận ngày 28/1/2019 thì đất bà T đang sử dụng đã xây bức tường phù hợp với giấy chứng

nhận Quyền sử dụng đất bà được cấp. Trong đó có phần đất bức tường bà T đã xây dựng đang tranh chấp có diện tích: 6,29m² nằm trong diện tích đất mà bà T được cấp giấy chứng nhận.

[4.3] Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 07, tọa lại tại khu phố B phường Đ, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00260 ngày 14/10/2013 cho ông Trịnh Doãn T3 và bà Lê Thị T4 (là thửa đất giáp với bức tường mà bà T đang xây dựng) có diện tích 113,8m²; trong đó, chiều ngang mặt trước giáp đường H 8,92m, chiều ngang mặt sau 8,79m, chiều dài giáp đường Nguyễn Công T9 là 12,08m, chiều dài giáp đất bà T là 13,69m.

[4.4] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/1/2019 và sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P ký xác nhận ngày 28/1/2019 thì diện tích thực tế ông T3 đang sử dụng là phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn:

[5.1] Bị đơn ông Trịnh Doãn T3 cho rằng: ngày 29/04/1993, hộ bà T được sở Xây dựng tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất năm 2013 thì diện tích tăng lên 90,50m² mà không rõ, có sự chênh lệch là lần đất của bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ họa đồ nhà đất do Sở xây dựng vẽ đất bà T có chiều ngang mặt đường Hoàng Văn Thụ giáp đất ông T3 sang đất bà K là 6,9m, chiều ngang mặt sau 6,64m, chiều dài giáp đất ông T3 là 11,25m, chiều dài giáp đất bà K là 12,47m; phù hợp theo chiều dài các cạnh được ghi nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của T được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 11/6/2018; cụ thể, chiều ngang mặt đường Hoàng Văn T8 là 6,88, chiều ngang mặt sau là 6,69m. Có thể thấy có sự sai số từ 0.02 đến 0.05m nhưng là không đáng kể, không làm tăng mạnh diện tích của gia đình bà T và cũng không lấn sang đất của ông T3 như ông đã trình bày. Mặt khác, như tại mục [4.4] đã ghi nhận: căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/1/2019 và sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P ký xác nhận ngày 28/1/2019 thì diện tích thực tế ông T3 đang sử dụng là phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Do đó, lời trình bày này của ông T3 là không có căn cứ.

[5.2] Ngoài ra, bị đơn ông T3 còn cho rằng đường luồng hiện hữu giữa hai nhà là đường luồng chung tồn tại từ lâu, không thuộc phần đất của ai nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T bao gồm luôn diện tích đường luồng là không đúng, nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở.

[5.3] Theo công văn số 11695/UBND-TH ngày 31/10/2018 của UBND thành phố P có nội dung:

“Việc cấp Giấy chứng nhận số CD 258282 ngày 11/6/2018 tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 07, diện tích 90,6 m² tại địa chỉ số A H, phường Đ thành phố P cho bà Lê Thị Bạch T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Việc UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận số BQ 438098 ngày 14/10/2013 tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 07, diện tích 113,8m² tại địa chỉ số A H, phường Đ, thành phố P cho ông Trịnh Doãn T3 và bà Lê Thị T4 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho bà T và ông T3 đều đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ ghi nhận nguyên đơn bà T và bị đơn ông T3 đều sử dụng đúng phần diện tích đất mà mình được cấp giấy chứng nhận. Do đó, ông T3 cho rằng việc bà T xây dựng bức tường trên diện tích đất mà bà T được cấp Giấy chứng nhận là hành vi trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng không gian của bất động sản của ông là không có căn cứ.

[5.4] Đối với việc ông T3 cho rằng bản án cấp sơ thẩm cho rằng mái rui và tám đan cửa sổ nhà ông T3 lấn sang đất bà T 2,5m² (mặt trước 0,2m và mặt sau 0,27m là không có cơ sở do gia đình ông T3 đã mua căn nhà này từ năm 1974 và hiện trạng ban đầu của căn nhà tại nơi giáp ranh với đất bà T cho đến nay vẫn còn giữ nguyên; trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T mới được cấp năm 2018. Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3 được cấp vào năm 2013; trước đó, việc mua bán của ông T3 cũng không được đo đạc, cấp giấy theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Tuy nhiên, theo L đồ đo vẽ năm 1961 và tờ khai đất phi nông nghiệp của ông Trịnh Doãn T10 (BL117), thì diện tích kê khai là 103m², đến năm 2003 hộ ông được cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 113,8m² và sử dụng cho đến nay (BL129). Tại tòa, ông T10 thừa nhận việc cấp Giấy chứng nhận cho ông là đúng; diện tích tăng là do ông lấn chiếm ra đường N. Qua xem xét đơn xin sửa nhà của ông T10 (BL 118) đơn xin vào năm 1989; ông T10 xin sửa lại mái nhà tôn do đã mục nát, đơn có xác nhận của địa phương. Như vậy căn nhà của ông T10 sau khi mua và sử dụng lâu năm, đến năm 1989, ông T10 đã sửa chữa lại mái tôn nên có sự thay đổi về hiện trạng sử dụng chứ không phải căn nhà ông mua còn nguyên hiện trạng như cũ.

[5.5] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T; bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trịnh Doãn T3 là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông T3 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Doãn T3 phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Doãn T3; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Trịnh Doãn T3 được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương Nguyễn Thị Thúy Hòa

Lê Văn An